TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **210**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Tạ Đức Minh
2. Bà Lưu Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2023, Quyết định Phân công Kiểm sát viên tham gia phiên toà số 131-1/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 13/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 19xx
HKTT: phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Địa chỉ: phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.
(Có mặt bà H)

- Bị đơn: **Ông Ngô Văn Đ**, sinh năm 19xy
HKTT: phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Địa chỉ: phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.
(Vắng mặt ông Đ – đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào ngày 28/12/2000 tại phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống hạnh phúc bình thường như những cặp vợ

chồng khác, thỉnh thoảng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống tuy nhiên không đáng kể. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn căng thẳng hơn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông Đ thường xuyên gây áp lực cho tôi khiến tôi vô cùng mệt mỏi. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng khi ông Đ thừa nhận (trong tin nhắn zalo) với tôi là đã có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân kể từ tháng 6/2022 đến nay, tuy ở chung nhà nhưng chúng tôi hạn chế giao tiếp, cắt đứt quan hệ vợ chồng, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay tôi xác định không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Ngô Văn Đ để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình.

- Về con chung: chúng tôi có hai con chung là Ngô Thu V (sinh năm 2001) và Ngô Đức Th (sinh ngày 01/6/2007). Cháu V hiện đã đủ 18 tuổi, việc ở với ai là do cháu tự quyết định, tôi không can thiệp. Đối với cháu Th có nguyện vọng được ở với bố, ông Đ cũng đề nghị được nuôi con sau khi ly hôn, nên tôi cũng đồng ý và đề nghị Toà án giao cháu Th cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con, tôi cũng nhất trí vì cháu V tuy đã đủ 18 tuổi những hiện vẫn đang học đại học, chi phí ăn học tốn kém nên tôi nhận trách nhiệm chu cấp ăn học cho cháu V.

- Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Ngô Văn Đ đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng không giao nộp văn bản ý kiến, bản tự khai, cũng không đến Toà làm việc theo lịch đã được thông báo. Sau khi Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông Đ giao nộp bản tự khai với quan điểm *"đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật"*, *"tôi xin nhận nuôi cháu Ngô Đức Th theo nguyện vọng của con tôi... tôi không yêu cầu chị Hương cấp dưỡng nuôi cháu Th"* và *"đề nghị Toà án xử vắng mặt tôi tại phiên toà"*.

Tại phiên toà,

- Bà H giữ quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông Ngô Văn Đ; đồng ý giao con chung là Ngô Đức Th cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự đều chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khoản 1 Bộ luật Tố tụng

dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, cho bà H được ly hôn với ông Ngô Văn Đ; giao cháu Ngô Đức Th cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà H đến khi ông Đ yêu cầu hoặc khi có thay đổi khác; đối với chị Ngô Thu V đã thành niên nên ở với ai tuỳ chị V quyết định; tài sản chung không xem xét; bà H có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại địa bàn quận Long Biên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ngô Văn Đ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Ngô Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 28/12/2000 tại UBND phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (số xxx, quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng tài liệu Tòa án xác minh được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Văn Đ có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, tuy ở cùng một nhà nhưng mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Ông Đ biết việc bà H làm thủ tục xin ly hôn nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng, thể hiện sự không thiện chí hoà giải, khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Đ là có thật và đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: căn cứ hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Văn Đ có hai con chung là chị Ngô Thu V (sinh năm 2001) và cháu Ngô Đức Th (sinh ngày 01/6/2007).

Ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th sau khi ly hôn và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét đề nghị của ông Đ được bà H chấp nhận và phù hợp với nguyện vọng của cháu Th, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Th cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị V đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng đối với con đã thành niên, do vậy Toà án không xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với con chung là chị Ngô Thu V.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Toà án không xem xét.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 227 và các Điều 228, 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83, 88 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H:

Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Ngô Văn Đ.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Văn Đ có hai con chung là Ngô Thu V (sinh năm 2001) và Ngô Đức Th (sinh ngày 01/6/2007).

Giao cháu Ngô Đức Th cho ông Ngô Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà H cho đến khi ông Đ yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác. Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Đối với chị Ngô Thu V đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng đối với con đã thành niên, do vậy Toà án không xem xét.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0065814 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- UBND phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu HS, VP.